CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 241/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

"Điều 4. Phân cấp để Ủy ban uhân dân cấp tỉnh quản lý quốc lộ

1. Các tuyến đường quốc lộ thuộc quy hoạch mạng lưới đường bộ được phân cấp để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

a) Quốc lộ trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ quốc lộ quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 6 Nghị định này;

b) Các công trình, hạng mục thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ gắn với quốc lộ phân cấp quy định tại điểm a và điểm c khoản này;

c) Các công trình cầu, hầm, bến phà của tuyến đường quy định tại điểm a khoản này nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Xây dựng lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, trước khi quyết định một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý công trình.

2. Quốc lộ trong quy hoạch mạng lưới đường bộ không phân cấp gồm: Quốc lộ 1, Đường Hồ Chí Minh, quốc lộ có cấp kỹ thuật là đường cao tốc, quốc lộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh và các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với quốc lộ được phân cấp quản lý:

a) Thực hiện quản lý, đầu tư, xây dựng theo quy hoạch được duyệt; quyền, trách nhiệm của cơ quan chủ quản đối với dự án đầu tư xây dựng quốc lộ được phân cấp quản lý trên địa bàn, trừ trường hợp dự án đầu tư giao Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc cơ quan khác là cơ quan chủ quản theo quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP; thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác về đầu tư, xây dựng theo quy định của pháp luật; thực hiện các quyền, trách nhiệm cơ quan chủ quản, cơ quan có thẩm quyền đối với dự án xây dựng quốc lộ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên khi được giao theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 8 Điều này;

b) Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Bảo đảm kết nối giao thông đồng bộ về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ, phương tiện tham gia giao thông trên đoạn quốc lộ được phân cấp quản lý với các tuyến đường bộ trong quy hoạch mạng lưới đường bộ và bảo đảm kết nối giao thông thuận lợi với các tuyến đường khác trong khu vực;

d) Thực hiện khoản 5 Điều này;

đ) Định kỳ trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Xây dựng tình hình đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ là quốc lộ được phân cấp.

4. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Bàn giao tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều này (bao gồm cả các hạng mục gắn với tuyến đường) và tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và công tác bảo đảm an toàn giao thông quốc lộ được phân cấp quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án phân bổ nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô (sau khi đã trừ chi phí tổ chức thu) nộp ngân sách trung ương để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện quản lý, bảo trì quốc lộ và đường khác do địa phương quản lý, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội theo quy định.

5. Nguồn vốn để đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng quốc lộ phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí vốn và các nguồn lực bảo đảm thực hiện các quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 3 Điều này.

6. Trường hợp không bảo đảm nguồn lực đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì quốc lộ được phân cấp quản lý hoặc trường hợp cần thiết khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng tiếp nhận lại quốc lộ đã phân cấp.

7. Quốc lộ phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý phải thực hiện điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Đối với trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Bộ Xây dựng để quản lý được thực hiện sau khi Bộ Xây dựng có quyết định tiếp nhận lại quốc lộ đã phân cấp.

8. Trách nhiệm của các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc quản lý quốc lộ phân cấp trong trường hợp một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là co quan chủ quản dự án đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP xây dựng quốc lộ trên địa bản 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

a) Trường hợp dầu tư công

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thực hiện dự án có trách nhiệm tiếp nhận đoạn tuyến quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi dự án; tổ chức thực hiện dự án; thực hiện các công việc liên quan đến quản lý, khai thác, bảo trì công trình kể từ khi nhận bản giao doạn tuyến quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ; bàn giao đoạn tuyến quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ đã đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác để các địa phương này quản lý; thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để giao một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quán lý công trình cầu, hầm, bến phà nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan có trách nhiệm bàn giao đoạn tuyến quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi dự án để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản tiếp nhận vả thực hiện dự án; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản dự án trong việc thực hiện dự án, các công việc liên quan đến quản lý, khai thác, bảo trì, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Trường hợp đầu tư theo phương thức PPP

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư, doanh nghiệp dự ản tiếp nhận quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi dự án; thực hiện dự án; quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, báo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong thời gian hợp đồng dự án; bàn giao công trình sau khi kết thúc hợp đồng dự án để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi quốc lộ đi qua quản lý. Trường hợp cầu, hầm, bến phà nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh, sau khi kết thúc hợp dồng dự án thì thực hiện tương tự quy định tại điểm a khoản này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan có trách nhiệm bàn giao tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đang quản lý để chủ đầu tư, doanh nghiệp dự ản tiếp nhận và thực hiện dự án; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án thực hiện dự án, thực hiện quản lý, khai thác, bảo trì, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5

"Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý quốc lộ để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh và khả năng bố trí nguồn lực của địa phương

1. Trường hợp địa phương cần đầu tư xây dựng quốc lộ không phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này và tuyến đường đó nằm trên địa bàn hoặc trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, sau khi xác định được nguồn vốn bảo đảm việc thực hiện toàn bộ dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Tờ trình (bản chính hoặc biểu mẫu điện tử) theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định này đề nghị Bộ Xây dựng giao quản lý quốc lộ.

2. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và xử lý như sau:

a) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị bổ sung, hoàn thiện;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì ban hành Quyết định theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định này để giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý quốc lộ;

c) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cơ quan, tổ chức bằng bản điện tử hợp lệ.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với quốc lộ được giao

a) Thực hiện các quyền, trách nhiệm theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 4 Nghị định này đối với quốc lộ được giao; bàn giao công trình cho Bộ Xây dựng sau khi hoàn thành dự án đầu tư xây dựng đối với trường hợp đầu tư công, sau khi kết thúc hợp đồng dự án đối với trường hợp đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Thực hiện các công việc tương tự quy định tại điểm a và điểm b khoản 8 Điều 4 Nghị định này;

c) Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

a) Bàn giao tuyến, đoạn tuyến quốc lộ và công trình kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi dự án để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý sau khi có Quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tuyến, đoạn tuyến quốc lộ;

b) Thực hiện các quy định tại các điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị định này đối với quốc lộ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

5. Nguồn vốn để đầu tư, xây dựng, quản lý quốc lộ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và các nguồn lực bảo đảm việc thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý quốc lộ được giao quản lý.

6. Trường hợp không bảo đảm nguồn lực đầu tư xây dựng, quản lý quốc lộ được giao hoặc trường hợp cần thiết khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng tiếp nhận lại quốc lộ đã giao.

7. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng quốc lộ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định tương tự quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định này.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

"Điều 7. Điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý

1. Bộ Xây dựng quyết định điều chỉnh quốc lộ thành đường địa phương; đường địa phương và đường khác thành quốc lộ đối với các trường hợp sau:

a) Tuyến, đoạn tuyến quốc lộ điều chỉnh thành đường địa phương đối với các trường hợp: không có trong quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ được duyệt, trừ trường hợp quốc lộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh; đã đầu tư xây dựng tuyến tránh thay thế phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ được duyệt;

b) Tuyến, đoạn tuyến đường địa phương và đường bộ khác có trong quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ được duyệt thì điều chỉnh thành quốc lộ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh các loại đường địa phương theo cấp quản lý khi có thay đổi quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch khác có liên quan, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm rà soát, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh loại đường liên quan đến quốc lộ và gửi đến cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để quyết định điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý; Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh giữa các loại đường địa phương và gửi đến cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này để quyết định điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý.

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Tờ trình đề nghị điều chỉnh đường bộ theo cấp quản lý theo quy định tại Mẫu 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Đối với trường hợp hoàn thành đầu tư xây dựng đường tránh thay thế đường chính, ngoài quy định tại điểm a khoản này, thành phần hồ sơ còn bao gồm bản sao hoặc biểu mẫu điện tử các văn bản sau: văn bản xác nhận hoàn thành việc đầu tư xây dựng đường tránh hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đường tránh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức đề nghị để bổ sung, hoàn thiện;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ so theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì ban hành Quyết định điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

c) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cơ quan, tổ chức bằng bản điện tử hợp lệ.

5. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sau khi có quyết định điều chỉnh loại đường của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đường bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Số hiệu đường bộ bao gồm phần ký hiệu bằng chữ cái viết tắt của các loại đường, liền phía sau chữ cái là dấu chấm, số tự nhiên phía sau dấu chấm và được quy định đối với đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh, đường đô thị và đường xã như sau:

a) Số hiệu của đường cao tốc bao gồm: chữ "CT." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có;

b) Số hiệu của quốc lộ bao gồm: chữ "QL." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có;

c) Số hiệu đường tỉnh bao gồm: chữ "ĐT." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có;

d) Số hiệu đường đô thị bao gồm: chữ "ĐĐT." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có;

đ) Số hiệu đường xã bao gồm: chữ "ĐX." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các số tự nhiên, chữ cái nếu có để đặt số hiệu đường xã, đường đô thị trên địa bàn.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Thẩm quyền đặt tên, số hiệu đường bộ và trách nhiệm công bố tên, số hiệu đường bộ trên các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như sau:

a) Bộ Xây dựng đặt tên, số hiệu đường cao tốc, quốc lộ và đường bộ tham gia mạng lưới đường bộ theo điều ước quốc tế;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đặt tên, số hiệu đường tỉnh, đường xã; đặt số hiệu đường đô thị thuộc phạm vi quản lý;

c) Thẩm quyền đặt tên, đổi tên đường đô thị thực hiện theo Quy chế của Chính phủ về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

"10. Không bắt buộc đặt, đổi tên, số hiệu đường bộ đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đường bộ và các tuyến đường bộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh; không bắt buộc đặt số hiệu đường bộ đối với tuyến đường bộ đã có tên, trừ trường hợp đường bộ tham gia vào mạng lưới đường bộ quốc tế và trường hợp điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường đô thị được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Đường bộ. Căn cứ quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy hoạch, pháp luật về phân loại đô thị và quy định khác có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định phạm vi nội thành, nội thị làm căn cứ xác định phạm vi đường đô thị.".

2. Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 như sau:

"7. Cấp kỹ thuật của đường bộ để xác định phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này như sau:

a) Đối với đường bộ đang khai thác, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo cấp kỹ thuật hiện tại của đường bộ;

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng đường bộ, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo cấp kỹ thuật của đường trong dự án đầu tư xây dựng;

c) Đối với công tác lập quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ và các quy hoạch khác có liên quan đến đường bộ, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ trong quy hoạch liên quan;

d) Đối với đường bộ trong khu vực quy hoạch thành đô thị đã được phê duyệt và đã xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia về đường đô thị, thì phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ xác định theo cấp đường đô thị.".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Đối với cầu đường bộ ngoài đô thị, chiều rộng hành lang an toàn cầu đường bộ tính từ mép ngoài cùng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu trở ra mỗi bên như sau: 150 mét đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300 mét; 100 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét đến 300 mét; 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 20 mét đến dưới 60 mét; 20 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 20 mét.

Đối với phần cầu cạn của cầu vượt sông lớn hơn 300 mét, chiều rộng hành lang an toàn cầu tính từ phần đất để bảo vệ, bảo trì trở ra không nhỏ hơn 50 mét.

Trường hợp cầu cạn (bao gồm cầu vượt đường sắt, cầu vượt đường bộ, cầu xây dựng trên cao song hành với đường khác, các cầu trên cạn khác và phần cầu không nằm trong phạm vi giữa hai đê của cầu vượt sông) trên đường ngoài đô thị: chiều rộng hành lang an toàn đường bộ của cầu xác định theo cấp đường quy định tại khoản 1 Điều này;".

2. Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6

"7. Xác định cấp kỹ thuật của đường bộ để xác định chiều rộng hành lang an toàn đường bộ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này thực hiện như sau:

a) Đối với đường bộ đang khai thác, chiều rộng hành lang an toàn đường bộ xác định theo cấp đường hiện tại;

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng đường bộ, chiều rộng hành lang an toàn đường bộ xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ trong dự án đầu tư xây dựng;

c) Đối với công tác lập quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ và các quy hoạch khác có liên quan đến đường bộ, chiều rộng hành lang an toàn đường bộ xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ trong quy hoạch liên quan;

d) Đối với đường bộ trong khu vực quy hoạch thành đô thị đã được phê duyệt và đã xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia về đường đô thị, thì hành lang an toàn đường bộ xác định theo cấp đường đô thị.".

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 17

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c và điểm e khoản 1

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

"a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

"c) Các bản vẽ thiết kế, bao gồm bản vẽ bố trí chung, các bản vẽ mặt cắt đứng, mặt cắt ngang và các bản vẽ thiết kế chi tiết thể hiện cụ thể: quy mô, kích thước của công trình đề nghị chấp thuận; vị trí công trình đề nghị trên đoạn đường; khoảng cách từ mép ngoài công trình đề nghị đến mép ngoài mặt đường, tim đường, chiều sâu công trình đến mặt đường và các khoảng cách khác đến các hạng mục công trình cầu, cống, hầm có liên quan đến công trình đề nghị.

Đối với biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung xây dựng, lắp đặt trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, phải có thông tin về khoảng cách từ biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị và các công trình đến: bề mặt dải phân cách giữa, mép dải phân cách giữa;".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm e như sau:

"e) Các tài liệu quy định tại các điểm b, c, và điểm đ khoản này là bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao điện tử; số lượng 01 bộ".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đối với việc thi công xây dựng đường dây tải điện, dây dẫn điện có điện áp từ 35 KV trở xuống, đường dây thông tin, viễn thông, đường ống cấp nước có đường kính bao ngoài không quá 200 mm, bảo trì, thay thế hạng mục, thiết bị của các công trình hạ tầng đã được xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết

cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ (khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ), trừ các trường hợp không phải cấp giấy phép thi công theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Đường bộ, thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng, gia cường được thực hiện đồng thời với hồ sơ cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

Thành phần hồ sơ bao gồm: bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị chấp thuận đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này, tài liệu quy định tại điểm b, điểm c và điểm e khoản 1 Điều này và biện pháp thi công, phương án tổ chức giao thông là bản sao hoặc bản sao điện tử.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 18

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 17 Nghị định này

a) Đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện đối với: đường bộ cao tốc; hầm đường bộ; công trình hạ tầng đi qua địa bàn hai tỉnh trở lên; công trình hạ tầng lắp đặt vào cầu phải bổ sung kết cấu gia cố; các trường hợp cần đào, cắt, xẻ quốc lộ có cấp kỹ thuật là đường cấp III trở lên để thi công xây dựng, lắp dặt các công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ theo đề nghị của các cơ quan Quân sự và Công an; trừ trường hợp chấp thuận xây dựng, gia cường được thực hiện đồng thời với hồ sơ cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định này. Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với các trường hợp chấp thuận đồng thời với cấp giấy phép thi công trên đường bộ đang khai thác quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này và các trường hợp còn lại thuộc phạm vi quản lý;

b) Sở Xây dựng thực hiện đối với các trường hợp: quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ, đường khác thuộc phạm vi được giao quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường xã và đường khác thuộc phạm vi quản lý.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

"c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức giao thông biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên

truyền chính trị theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định này; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định này; chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục III kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;";

b) Bổ sung điểm đ như sau:

"đ) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 7 của Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Đường bộ và các quy định sau:

a) Tổ chức vận hành, khai thác, sử dụng công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ để thực hiện các quy định tại điểm c, điểm d khoản 4 Điều 39 Luật Đường bộ;

b) Tổ chức thực hiện tuần đường, tuần kiểm đường bộ để phát hiện và ngăn chặn các hành vi xây dựng công trình trái phép trên đường bộ và trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; đấu nối trái phép vào đường bộ; lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ và các hành vi vi phạm đối với kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Khai thác, sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê kết cấu hạ tầng đường bộ trái quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của pháp luật xây dựng;

d) Xác định và công khai mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ, phạm vi đất đã được bồi thường và thu hồi; bảo vệ mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ và diện tích dất đã được bồi thường, thu hồi;

đ) Tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Việc sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác quy định tại Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bao gồm:

a) Phục vụ các hoạt động: sự kiện chính trị và hoạt động văn hoá, thể thao; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống cháy nổ; tìm kiếm cứu nạn; phòng, chống dịch bệnh;

b) Phục vụ thi công xây dựng công trình;

c) Tập kết, thu gom rác thải, vật liệu xây dựng;

d) Tổ chức sự kiện tang lễ;

đ) Tổ chức đám cưới;

e) Sử dụng vào việc trông, giữ phương tiện tham gia giao thông và các trường hợp cần thiết khác do Ủy ban nhân dân các cấp quy định đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

g) Các trường hợp cần thiết khác do cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ (đối với đường chuyên dùng) quyết định trên cơ sở thống nhất với lực lượng Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ trên tuyến, nhưng không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông".

2. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 21 như sau:

"1a. Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường vào mục đích khác quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện trên các tuyến đường xã, đường thôn, đường chuyên dùng, đường đô thị nhưng không bao gồm đường phố chính đô thị theo quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường đô thị.

Không sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh vào các mục đích quy định tại điểm c, điểm đ, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Phương án sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác bao gồm các nội dung sau:

a) Mục đích sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè; vị trí, phạm vi sử dụng tạm thời một phần hoặc toàn bộ lòng dường (bao gồm mặt đường và phần lề đường có gia cố), vỉa hè vào mục đích khác, chiều dài lòng đường, vỉa hè sử dụng tạm thời vào mục đích khác;

b) Chỉ dẫn cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ đi qua hoặc đi tránh khu vực sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè; việc bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường khi sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè;

c) Phương án hoàn trả lòng đường, vỉa hè sau khi kết thúc việc sử dụng.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thành phần hồ sơ đề nghị sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử phương án sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Số lượng tài liệu quy định tại điểm a và điểm b khoản này: 01 bộ.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Thẩm quyền cấp phép sử dụng tạm thời một phần hoặc toàn bộ lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác như sau:

a) Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với đường bộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ, trừ phần lòng đường, vỉa hè đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân các cấp quản lý;

b) Sở Xây dựng thực hiện đối với đường bộ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý, trừ phần lòng đường, vỉa hè đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với các trường hợp không quy định tại điểm a và điểm b khoản này.".

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm d khoản 6

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

"c) Trong thời hạn không quá 01 ngày đối với đám tang, không quá 03 ngày làm việc đối với các trường hợp khác, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành kiểm tra nếu đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định tại khoản 1, khoản 1a, khoản 2, khoản 3 Điều này thì có văn bản cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác. Mẫu văn bản cấp phép quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;";

b) Bổ sung điểm d như sau:

"d) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua địch vụ bưu chính.".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

"c) Phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông, Công an làm nhiệm vụ trên tuyến, Ủy ban nhân dân cấp xã và người quản lý, sử dụng đường bộ trong công tác bảo đảm an toàn giao thông và các công việc cần thiết khác;".

8. Bổ sung khoản 10 và khoản 11 như sau:

"10. Trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng cháy, chữa cháy, tổ chức cứu nạn, cứu hộ, tổ chức lễ tang thì không bắt buộc thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Việc sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè để thực hiện các công việc khẩn cấp, cấp bách được thực hiện các quy định của Luật Tình trạng khẩn cấp, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Luật Xây dựng.".

11. Đối với trường hợp sửa chữa, bảo trì, đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường đang khai thác, thi công xây dựng công trình hạ tầng, công trình biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, thi công nút giao đấu nối trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thì không thực hiện cấp phép tạm thời sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác, nhưng phải thực hiện quy định về chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng trên tuyến đường đang khai thác, cấp phép thi công đấu nối vào đường bộ đang khai thác theo quy định của Luật Đường bộ, các quy định của Nghị định này và quy dịnh cửa Bộ trưởng Bộ Xây đựng.".

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 24

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức giao thông các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

Đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được tổ chức giao thông trên các tuyến đường bộ có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 30 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông; tuyến đường bộ bố trí tách riêng

phần đường, làn đường dành riêng cho phương tiện tham gia giao thông này mà phần đường, làn đường đó không tổ chức giao thông cho các phương tiện không cùng tốc độ tối đa với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; các tuyến đường nội bộ quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật Đường bộ; phạm vi hoạt động đối với các trường hợp khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, chỉ tổ chức hoạt động trên các tuyến đường có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 50 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm: tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ lịch trình, thời gian và phạm vi hoạt động của xe bốn bánh có gắn động cơ theo đúng quy định của pháp luật và công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đối với loại hình vận tải này.

Xe ô tô tải Pickup ca bin kép và xe ô tô tải Van có khối lượng toàn bộ không lớn hơn 3500 kg được tổ chức giao thông như đối với xe ô tô con".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này đối với đường bộ được giao quản lý;

b) Phối hợp, lấy ý kiến của Cơ quan Cảnh sát giao thông được giao điều khiển giao thông đường bộ đối với các trường hợp xử lý các bất cập về tổ chức giao thông, các vị trí ùn tắc giao thông đối với đường cao tốc, đường cấp I, cấp II, đường phố chính đô thị, cầu và hầm đường bộ cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và các trường hợp cần thiết;

c) Thực hiện phương án tổ chức giao thông đường cao tốc đã được phê duyệt;

d) Hướng dẫn, kiểm tra người quản lý, sử dụng đường bộ thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này; yêu cầu khắc phục tồn tại về tổ chức giao thông; xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm về tổ chức giao thông.".

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Sở Xây dựng thực hiện thẩm định, phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác, sử dụng, phương án tổ chức giao thông điều chỉnh trong thời gian khai thác đường cao tốc được nộp theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều này. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Tờ trình phê duyệt theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao, bản sao điện tử phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trước khi đưa vào khai thác, phương án điều chỉnh tổ chức giao thông đường cao tốc đang khai thác;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm d khoản 4

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

"c) Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoàn thành việc thẩm định phương án tổ chức giao thông, phương án tổ chức giao thông điều chỉnh, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định phê duyệt theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định này. Trường hợp không phê duyệt thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;".

b) Bổ sung điểm d như sau:

"d) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 27

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Vị trí nút giao thông đường bộ (nút giao đấu nối) để kết nối các tuyến đường bộ với nhau mà các tuyến đường bộ đó được xác định trong các quy hoạch quy định tại Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì không phải thực hiện quy định tại Điều 29 của Nghị định này. Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia có quy định về khoảng cách các nút giao đấu nối thì phải báo đảm quy định này. Đối với việc đấu nối vào đường cao tốc đang khai thác thì thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 5 như sau:

"b) Chủ đầu tư các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu chức năng, khu đô thị, cụm công nghiệp và chủ đầu tư các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm xây dựng đường gom đi qua cơ sở của mình để kết nối với các hệ thống đường bộ trong khu vực, trừ trường hợp đã có đường gom, đường bên đáp ứng lưu lượng xe thiết kế của các cơ sở này hoặc trường hợp các cơ sở này được phép đấu nối trực tiếp vào đường bộ đi qua khu vực và các trường hợp khác không cần phải xây dựng đường gom, đường bên; chủ đầu tư các dự án xây dựng đường bộ có trách nhiệm xây dựng đường bên, đường gom theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Luật Đường bộ;

c) Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức xây dựng đường gom, đường bên đối với các trường hợp không quy định tại điểm a và điểm b khoản này để kết nối giao thông khu vực, địa bàn với đường chính đi qua khu vực để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn; xác định lộ trình đầu tư xây dựng đường gom, đường bên để gom các phương tiện giao thông từ các cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đường bộ trước khi đi vào đường quốc lộ, tuyến, đoạn tuyến đường chính có lưu lượng tham gia giao thông cao và không bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và để ngăn cách giao thông khu vực hai bên đường với đường chính.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và khoản 7 như sau:

"6. Các khu vực dân cư, cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh, các địa điểm khác kết nối giao thông với đường cao tốc thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh; kết nối giao thông với quốc lộ và các đường chính đi qua khu vực, địa bàn thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh, trừ trường hợp các cơ sở này được đấu nối vào quốc lộ, đường chính đi qua khu vực và trường hợp chưa hoàn thành xây dựng đường bên, đường gom, đường nhánh theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều này.

7. Trường hợp nút giao đấu nối các khu vực dân cư, cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh, các địa điểm khác đấu nối trực tiếp vào quốc lộ và đường chính đi qua khu vực, địa bàn mà tại các vị trí này, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này chưa xây dựng đường bên, đường gom, đường nhánh để gom các phương tiện tham gia giao thông thì được phép tồn tại nút giao hiện hữu cho đến khi có đường gom, đường bên, đường nhánh với điều kiện nút giao đó phải bảo đảm an toàn giao thông. Trường hợp nút giao đấu nối không bảo đảm an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia thì phải khắc phục theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn để bảo đảm an toán giao thông.".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 28

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Cơ quan, tổ chức đề nghị đấu nối vào đường cao tốc quy định tại khoản 2 Điều này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 3 Điều này. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đấu nối vảo đường cao tốc theo Mẫu số 01 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc bán sao điện tử: chủ trương đầu tư nút giao dấu nối đường khác vào đường cao tốc, thiết kế nút giao đấu nối vào đường cao tốc (nếu có).".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d và bổ sung điểm đ khoản 5

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

"d) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hoặc 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan (đối với trường hợp phải lấy ý kiến), cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành kiểm tra nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận nút giao đấu nối vào đường bộ theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;".

b) Bổ sung điểm đ như sau:

"đ) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 29

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Trừ trường hợp đấu nối quy định tại khoản 1 Điều 27 và các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 28 của Nghị định này, vị trí nút giao đấu nối mới vào quốc lộ phải bảo đảm khoảng cách theo quy định của quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia. Trường hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia không quy định thì phải bảo dảm quy định sau:

a) Đối với quốc lộ cấp I, cấp II: không nhỏ hơn 2000 mét;

b) Đối với quốc lộ cấp III: không nhỏ hơn 1500 mét;

c) Không nhỏ hơn 1000 mét đối với quốc lộ cấp IV, cấp V và cấp VI;

d) Đối với các trường hợp quốc lộ từ 4 làn ô tô trở lên và có dải phân cách giữa chia đường thành hai chiều riêng biệt, khoảng cách các nút giao dạng ngã ba (chỉ cho phép phương tiện từ đường chính rẽ phải vào đường nhánh, phương tiện từ đường nhánh rẽ phải vào đường chính) đối với đường cấp I, cấp II và cấp III không nhỏ hơn 1000 mét; không nhỏ hơn 500 mét đối với các trường hợp khác;

đ) Trường hợp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đi qua các địa bàn, khu vực có địa hình núi cao, vực sâu, sông, suối, kênh, rạch, đê điều, hồ, đập, công trình thuỷ lợi, thuỷ điện, đường sắt, khu vực di tích lịch sử, văn hoá, công trình quan trọng nhưng khó khăn trong việc xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh thì được giảm khoảng cách so với quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này nhưng phải bảo đảm quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan. Đối với trường hợp này, người có thẩm quyền phê duyệt dự án có nút giao đấu nối, chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối phải bố trí đầy đủ các công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại khu vực nút giao đấu nối và bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

"a) Lấy ý kiến cơ quan ký hợp đồng và người quản lý, sử dụng đường bộ đối với trường hợp quốc lộ đang khai thác trong thời hạn hợp đồng đối tác công tư, chuyển nhượng hoặc cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Cơ quan, tổ chức đề nghị đấu nối vào đường bộ quy định tại Điều này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức: trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 5 Điều này. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đấu nối vào đường bộ (bản chính) theo Mẫu số 01 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử: chủ trương đầu tư nút giao đấu nối đường khác vào đường được đề nghị đấu nối, thiết kế nút giao đấu nối vào đường bộ (nếu có).".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

"8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức đấu nối đường địa phương thuộc phạm vi quản lý; tổ chức đóng nút giao hiện hữu đấu nối vào quốc lộ đối với các trường hợp: đã có nút giao thay thế; đã hoàn thành xây dựng đường bên, đường gom để việc đấu nối vào quốc lộ thông qua đường bên, đường gom; nút giao hiện hữu là điểm hay xảy ra tai nạn giao thông mà không được khắc phục, nút giao không bảo đảm khoảng cách, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị định này.".

5. Bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đấu nối vào đường bộ thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp đấu nối đường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng, cơ quan trung ương vào đường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức đóng nút giao hiện hữu đấu nối vào đường chính thuộc phạm vi quản lý đối với trường hợp: đã có nút giao thay thế; đã hoàn thành xây dựng đường bên, đường gom để việc đấu nối vào đường chính thông qua đường bên, đường gom; nút giao hiện hữu là điểm hay xảy ra tai nạn giao thông mà không được khắc phục; nút giao không bảo đảm khoảng cách, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị định này.".

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 của Điều 30

"c) Bàn giao đoạn đường chính trong khu vực nút giao đấu nối và 01 bộ bản vẽ hoàn công nút giao đấu nối cho người quản lý, sử dụng đường chính để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì nút giao đấu nối; bàn giao phần đường nhánh (bên ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì đường chính) cho người quản lý, sử dụng đường nhánh và 01 bộ bản vẽ hoàn công công trình nút giao đấu nối để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đường nhánh;".

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 31

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 3 như sau:

"b) Sở Xây dựng đối với quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và quốc lộ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 của Nghị định này; đường tỉnh và đường khác được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý, trừ các trường hợp quy định tại điểm a và điểm h khoản này.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm đ khoản 4

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

"b) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

"đ) Thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản này là bản chính hoặc biểu mẫu điện tử, thành phần hồ sơ quy định tại các điểm b, điểm c khoản này là bản sao hoặc bản sao điện tử".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm d khoản 5

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

"c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận vị trí, thiết kế và cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;".

b) Bổ sung điểm d khoản 5 như sau:

"d) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.".

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 32

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

"b) Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư, duyệt thiết kế tổ chức thực hiện hoặc giao cơ quan thẩm định dự án, thẩm định thiết kế thực hiện thẩm định an toàn giao thông trên cơ sở báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của tổ chức tư vấn thẩm tra an toàn giao thông cùng với công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, thẩm định thiết kế công trình đường bộ triển khai sau thiết kế cơ sở để điều chỉnh, bổ sung các hạng mục liên quan đến an toàn giao thông vào dự án, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.

Đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ do Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Bộ Xây dựng thực hiện thẩm định an toàn giao thông trong giai đoạn lập dự án đầu tư trên cơ sở báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của tổ chức tư vấn thẩm tra an toàn giao thông.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với đường bộ là tài sản kết cấu hạ tầng của Nhà nước), người quản lý, sử dụng đường bộ (đối với đường chuyên dùng, đường trong thời hạn hợp đồng theo phương thức PPP, đường do doanh nghiệp được Nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác) có trách nhiệm: lựa chọn tổ chức tư vấn đủ điều kiện

năng lực để thẩm tra an toàn giao thông đường bộ; thẩm định an toàn giao thôug đường bộ trên cơ sở báo cáo thẩm tra an toàn giao thông đối với đoạn đường đang khai thác được giao quản lý để thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường điều kiện bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 29 Luật Đường bộ khi xảy ra một trong các trường hợp sau: cả ba chỉ tiêu về tai nạn giao thông (số vụ, số người chết, số người bị thương) năm sau tăng từ 10% trở lên so với năm trước; có 02 chỉ tiêu tai nạn giao thông năm sau tăng từ 20% trở lên so với năm trước; có 01 chỉ tiêu tăng trên 30% so với năm trước; các đoạn đường cong, đường đèo dốc xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trong phạm vi 12 tháng và các trường hợp cần thiết do người quản lý, sử dụng đường bộ quyết định.".

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 46

"**Điều 46. Lập dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp đường cao tốc boặc đường bộ đang khai thác nâng cấp thành đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư**

Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư hiện hữu đang thực hiện dự án (sau đây gọi là nhà đầu tư hiện hữu) về việc lập dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp đường cao tốc hoặc đường bộ đang khai thác nâng cấp thành đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi chung là mở rộng, nâng cấp đường cao tốc) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật Đường bộ được thực hiện như sau:

1. Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư hiện hữu sơ bộ các nội dung sau:

a) Nhà đầu tư hiện hữu cam kết phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khi lập, thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp; trách nhiệm và nghĩa vụ của nhà đầu tư hiện hữu trong trường hợp không thực hiện đúng cam kết;

b) Nguyên tắc phân chia doanh thu giữa nhà đầu tư hiện hữu và nhà đầu tư sẽ được lựa chọn để thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp (sau đây gọi là nhà đầu tư mở rộng, nâng cấp);

c) Phân định rõ trách nhiệm giữa nhà đầu tư hiện hữu và nhà đầu tư mở rộng, nâng cấp trong quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì toàn bộ công trình sau khi được mở rộng, nâng cấp (bao gồm phần công trình hiện hữu và công trình đầu tư mở rộng, nâng cấp);

d) Các nội dung liên quan đến quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư hiện hữu, nhà đầu tư mở rộng, nâng cấp để bảo đảm tính liên tục của việc cung cấp dịch vụ công; các nội dung cần sửa đổi hợp đồng dự án do ảnh hưởng của việc thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp.

2. Trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư hiện hữu thống nhất thỏa thuận theo quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị chuẩn bị dự án lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có), báo cáo nghiên cứu khả thi dự án mở rộng, nâng cấp theo quy định pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật xây dựng, bảo đảm:

a) Tính đồng bộ về kết cấu hạ tầng của dự án mở rộng, nâng cấp với kết cấu hạ tầng đường bộ hiện hữu;

b) Phương án tài chính dự án hiện hữu và dự án mở rộng, nâng cấp theo quy định của pháp luật, hợp đồng đã ký kết và kết quả đàm phán tại khoản 1 Điều này.

3. Việc lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án (nếu có); lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án; lựa chọn nhà đầu tư; ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đối tác công tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu tham gia thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp thì thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5. Nhà đầu tư hiện hữu và nhà đầu tư mở rộng, nâng cấp có trách nhiệm:

a) Phối hợp, bảo đảm sự đồng bộ, an toàn trong quá trình tổ chức thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp và quản lý, vận hành, khai thác đường cao tốc theo các hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Triển khai phương án phân chia doanh thu giữa dự án hiện hữu và dự án mở rộng, nâng cấp trên cơ sở phương án tài chính tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu dự án mở rộng, nâng cấp và hợp đồng dự án hiện hữu.

6. Trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng không thỏa thuận được với nhà đầu tư hiện hữu đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư về việc nhà đầu tư hiện hữu đề xuất điều chỉnh dự án hiện hữu theo quy định tại Điều 47 của Nghị định này.".

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 47

"Điều 47. Điều chỉnh dự án để mở rộng, nâng cấp đường cao tốc

Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận nhà đầu tư hiện hữu đề xuất điều chỉnh dự án để mở rộng, nâng cấp đường cao tốc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Luật Đường bộ được thực hiện như sau:

1. Trường hợp thỏa thuận mở rộng, nâng cấp theo phương án nhà đầu tư hiện hữu đề xuất điều chỉnh dự án, nhà đầu tư hiện hữu tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh dự án trình cấp có thẩm quyền xem xét. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, phê duyệt thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán, chi phí của nhà đầu tư đề xuất thực hiện theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

2. Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi gồm nội dung đánh giá về năng lực tài chính của nhà đầu tư, bao gồm khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn vay, nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện phần mở rộng, nâng cấp. Nhà đầu tư chịu mọi chi phí, rủi ro trong trường hợp hồ sơ điều chỉnh dự án không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án, cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức đàm phán, sửa đổi hợp đồng theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Trường hợp thỏa thuận mở rộng, nâng cấp theo phương án điều chỉnh dự án theo khoản 1 Điều này không thành công, cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư về việc Nhà nước lập dự án mở rộng, nâng cấp đường cao tốc theo hình thức đầu tư công theo quy định tại Điều 48 của Nghị định này.".

Điều 21. Bổ sung Điều 52a vào sau Điều 52

"Điều 52a. Đầu tư mở rộng trạm dừng nghỉ đã ký hợp đồng kinh doanh, khai thác

1. Việc đầu tư mở rộng trạm dừng nghỉ nhằm hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người và phương tiện tham gia giao thông.

2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức xác định sơ bộ nhu cầu và đàm phán với nhà đầu tư, doanh nghiệp đang đầu tư, khai thác trạm dừng nghỉ về phương án đầu tư mở rộng trạm dừng nghỉ. Trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp đang đầu tư, khai thác trạm dừng nghỉ thực hiện mở rộng trạm dừng nghỉ thì phải nộp giá trị nhận nhượng quyền kinh doanh xác định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 56 Nghị định này bằng hình thức nộp tiền một lần vào ngân sách nhà nước.

3. Đối với dự án đường cao tốc đầu tư theo phương thức PPP, trường hợp cơ quan có thẩm quyền đàm phán với nhà đầu tư, doanh nghiệp đang đầu tư, khai thác trạm dừng nghỉ theo quy định tại khoản 2 Điều này không thành công, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đàm phán với nhà đầu tư dự án đường cao tốc theo phương thức PPP (nếu có) về phương án đầu tư, kinh doanh đối với phần mở rộng trạm dừng nghỉ. Việc xác định quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư PPP đối với phần mở rộng trạm dừng nghỉ thực hiện theo điểm a khoản 3 Điều 56

Nghị định này. Thời hạn khai thác phần mở rộng trạm dừng nghỉ được xác định bảo đảm đồng bộ với thời hạn hợp đồng dự án đường cao tốc theo phương thức PPP.

4. Trường hợp đàm phán theo khoản 2, khoản 3 Điều này không thành công, cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư, kinh doanh đối với phần mở rộng trạm dừng nghỉ theo quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất. Nhà đầu tư, doanh nghiệp đang đầu tư, khai thác trạm dừng nghỉ và nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện đầu tư, kinh doanh đối với phần mở rộng trạm dừng nghỉ và nhà đầu tư dự án đường cao tốc theo phương thức PPP (nếu có) có trách nhiệm phối hợp, bảo đảm khai thác đồng bộ, an toàn đối với đường cao tốc và trạm dừng nghỉ.

5. Trình tự thủ tục đầu tư mở rộng trạm dừng nghỉ thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.".

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 56

"3. Đối với dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư chưa xác định hình thức đầu tư trạm dừng nghỉ hoặc đã xác định hình thức đầu tư trạm dừng nghỉ nhưng chưa quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư PPP có trách nhiệm thỏa thuận, thống nhất phương án đầu tư xây dựng theo một trong các phương án sau đây:

a) Nhà đầu tư PPP đầu tư xây dựng, vận hành khai thác trạm dừng nghỉ trong dự án PPP, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia đối với trạm dừng nghỉ. Trường hợp phương án tài chính dự án đối tác công tư chưa tính toán chi phí, doanh thu trạm dừng nghỉ thì thực hiện như sau:

Chi phí đầu tư xây dựng không được tính vào phương án tài chính. Giá trị nhận nhượng quyền kinh doanh trạm dừng nghỉ được tính bằng trung bình giá trị nộp ngân sách nhà nước theo quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của 03 dự án tương tự với dự án đang xét theo tỷ lệ thời gian khai thác và quy mô công trình trạm dừng nghỉ. Dự án tương tự là dự án: được thực hiện trên cùng địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc các tỉnh lân cận, có kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong 02 năm trước ngày đàm phán phụ lục hợp đồng; trường hợp không có dự án được thực hiện trên cùng địa bàn nêu trên thì tham khảo dự án tại địa điểm gần địa điểm thực hiện dự án nhất, thời gian tham chiếu do cơ quan ký kết hợp đồng xem xét, quyết định cụ thể.

Nhà đầu tư nộp giá trị nhận nhượng quyền theo hình thức nộp tiền một lần vào ngân sách nhà nước hoặc điều chỉnh hợp đồng, giảm trừ thời gian thu phí;

b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trạm dừng nghỉ theo pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất. Nhà đầu tư trạm dừng nghỉ được lựa chọn có trách nhiệm hoàn trả các chi phí nhà đầu tư dự án

đường cao tốc đã thực hiện đối với hạng mục trạm dừng nghỉ (nếu có). Nhà đầu tư dự án đường cao tốc PPP có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư trạm dừng nghỉ được lựa chọn, bảo đảm khai thác đường cao tốc và trạm dừng nghỉ đồng bộ, an toàn.".

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và 5 Điều 58

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đường bộ tuân thủ các quy định của Luật Đường bộ, Luật Công nghệ thông tin, Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử; quy định pháp luật về Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc chính phủ số Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; quy định về bảo đảm, bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và các quy định khác của pháp luật có liên quan.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ, chủ trì xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ, tổ chức thực hiện và hướng dẫn thực hiện việc duy trì, cập nhật, khai thác, sử dụng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ.".

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 64

1. Bổ sung các điểm đ, điểm e, điểm g và điểm h khoản 1 như sau:

"đ) An toàn giao thông và ứng cứu khẩn cấp;

e) Quản lý bãi đỗ xe thông minh;

g) Giao thông công cộng thông minh;

h) Quản lý hạ tầng giao thông.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Hệ thống quản lý giao thông thông minh bao gồm các cấu thành sau:

a) Hệ thống quản lý, điều hành giao thông đường cao tốc, đường bộ khác bao gồm: các Trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc, đường bộ khác; hệ thống kết nối các Trung tâm này;

b) Hệ thống thanh toán điện tử giao thông;

c) Hệ thống quản lý, điều hành giao thông đô thị, bao gồm: hệ thống vận hành, khai thác, sử dụng đèn tín hiệu giao thông đường bộ, hệ thống camera trên tuyến giao thông đô thị; các hạng mục công trình, thiết bị khác thuộc hệ thống quản lý, điều hành giao thông đô thị;

d) Hệ thống quản lý vận tải đường bộ, bao gồm hệ thống quản lý vận tải bằng xe ô tô, công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ;

đ) Hệ thống giám sát và quản lý cơ sở dữ liệu về an toàn giao thông đường bộ;

e) Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ;

g) Trung tâm quản lý hệ thống giao thông thông minh;

h) Hệ thống hỗ trợ vận hành an toàn và cứu nạn, cứu hộ giao thông đường bộ;

i) Hệ thống quản lý, điều hành bãi đỗ xe thông minh;

k) Hệ thống giao thông công cộng thông minh;

l) Hệ thống quản lý, bảo trì thông minh kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

m) Hệ thống phân tích, dự báo giao thông đường bộ.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Trung tâm quản lý hệ thống giao thông thông minh quản lý tập trung cơ sở dữ liệu đường bộ, có chức năng điều phối giao thông liên vùng trên phạm vi vùng, quốc gia; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu và tiếp nhận dữ liệu của Trung tâm Chỉ huy giao thông, Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh cấp tỉnh, thành phố và các hệ thống chuyên ngành khác.".

Điều 25. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định, phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

1. Thay thế các cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" tại khoản 1 và khoản 3 Điều 6; khoản 1 Điều 9; điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 20; điểm a khoản 2 Điều 26; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 60; điểm c khoản 1 Điều 61; khoản 2 Điều 62; điểm a, điểm c và điểm đ khoản 5 Điều 69 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng cụm từ "Bộ Xây dựng".

2. Thay thế cụm từ "Bộ Kế hoạch và Đầu tư" tại khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng cụm từ "Bộ Tài chính".

3. Thay thế các cụm từ "Sở Giao thông vận tải" tại khoản 6 Điều 20, khoản 5 Điều 60 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng cụm từ "Sở Xây dựng".

4. Thay thế một số mẫu, phụ lục kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP:

a) Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định này; bổ sung Mẫu số 03, Mẫu số 04 vào Phụ lục I kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Thay thế Phụ lục II kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

c) Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 05 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 05 Phụ lục III ban theo Nghị định này;

d) Thay thế các Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

đ) Thay thế các Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định này;

e) Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

g) Thay thế Phụ lục X kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục VII kèm theo Nghị định này.

5. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ các khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 23 của Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

Điều 27. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương

1. Bộ Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra chính quyền địa phương thực hiện Nghị định này;

b) Xây dựng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin tập trung phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ;

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch mạng lưới đường bộ bảo đảm phù hợp với quy định về phân loại đường bộ theo cấp quản lý và các quy định khác của Luật Đường bộ; xác định danh mục các tuyến quốc lộ được quy hoạch theo cấp kỹ thuật đường cao tốc.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Nghị định này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Nghị định này; thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị định này.

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, Nghị định số 144/2025/NĐ-CP. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Đối với quốc lộ, đường cao tốc thuộc quy hoạch mạng lưới đường bộ đã được cấp có thẩm quyền giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục thực hiện theo văn bản giao.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường bộ, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường bộ đã được cấp có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án, quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện dự án theo quyết định, văn bản giao.

4. Đối với dự án mở rộng, nâng cấp đường cao tốc đã thỏa thuận giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư hiện hữu quy định tại Điều 46 và Điều 47 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đã phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quyết định đã phê duyệt, việc triển khai các bước tiếp thực hiện theo quy định tại Nghị định này;

b) Trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa phê duyệt dự án, chưa phê duyệt điều chỉnh dự án, trình tự, thủ tục và nội dung phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án và việc triển khai các bước tiếp thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). pvc 12

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc